

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN NAM
CHI NHÁNH HOA TIÊU VII
Số: 26 /QĐ-CNHT.VII

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quy Nhơn, ngày 09 tháng 09 năm 2024

- K/c:
- Chủ tịch,
 - Ban G.đốc
 - KSV
 - P. TC&KT
 - P. K&T KH
 - P. HC.

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển thuộc 02 tỉnh
Bình Định và Phú Yên

GIÁM ĐỐC
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN NAM - HOA TIÊU VII

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam ngày 30/7/2024;

Căn cứ giấy ủy quyền số 39/UQ-CTHTHMMN ngày 09/09/2024 của công ty Hoa tiêu hàng hải miền Nam;

Căn cứ tình hình thị trường cung cấp và sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong khu vực hiện nay;

Theo đề nghị của trưởng các phòng ban chức năng Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam- Hoa tiêu VII.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định kèm theo Quyết định này “Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển thuộc 02 tỉnh Bình Định và Phú Yên” của Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam- Hoa tiêu VII.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển thuộc 02 tỉnh Bình Định và Phú Yên.

- Những nội dung chưa quy định tại Quyết định này sẽ được thực hiện theo Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải và Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 09 năm 2024, thay thế Quyết định số 140/QĐ-CTHTHHKV.VII ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Giám đốc Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VII Ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại 02 tỉnh Bình Định và Phú Yên.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

- Các phòng ban chức năng của Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam- Hoa tiêu VII chịu trách nhiệm báo cáo biểu giá quy định tại Quyết định này với các cơ quan quản lý nhà nước liên quan và thông báo đến các đối tượng sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải của Công ty.

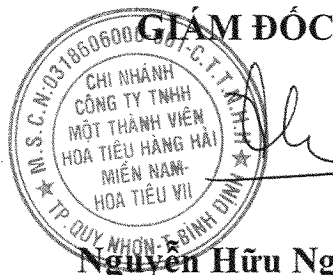
- Ban Giám đốc, các Phòng chức năng thuộc Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam- Hoa tiêu VII; các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c);
- Công ty TNHH MTV HTHH miền Nam (để b/c);
- Cục thuế tỉnh Bình Định;
- Cảng vụ hàng hải Quy Nhơn;
- Lưu: VT, TC-TH,HTHH CNcty.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nghiêm



QUY ĐỊNH
BIỂU GIÁ DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN
THUỘC 02 TỈNH BÌNH ĐỊNH VÀ PHÚ YÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-CNHT.VII ngày 09/09/2024
của Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam-
Hoa tiêu VII)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Biểu giá này quy định giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển thuộc 02 tỉnh Bình Định và Phú Yên của Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam- Hoa tiêu VII.

2. Biểu giá này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển thuộc 02 tỉnh Bình Định và Phú Yên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí là tàu thuyền phục vụ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí hoặc thực hiện các hoạt động liên quan đến dịch vụ dầu khí.

2. Tàu lai là tàu được thiết kế, đăng kiểm và đăng ký hoạt động làm dịch vụ lai dắt, hỗ trợ tàu vào, rời cập cầu, bến, phao neo.

3. Hàng hóa xuất khẩu là hàng hóa có nơi gửi hàng (gốc) ở Việt Nam và có nơi nhận hàng (đích) ở nước ngoài.

4. Hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa có nơi gửi hàng (gốc) ở nước ngoài và nơi nhận hàng (đích) ở Việt Nam.

5. Hàng hóa trung chuyển là hàng hóa được vận chuyển từ nước ngoài đến cảng biển Việt Nam và đưa vào bảo quản tại khu vực trung chuyển của cảng biển trong một thời gian nhất định rồi xếp lên tàu thuyền khác để vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

6. Hàng hóa quá cảnh là hàng hóa có nơi gửi hàng (gốc) và nơi nhận hàng (đích) ở ngoài lãnh thổ Việt Nam đi thẳng hoặc được xếp dỡ qua cảng biển Việt Nam hoặc nhập kho, bãi để đi tiếp.

7. Lướt dẫn tàu là việc hoa tiêu hàng hải dẫn tàu liên tục từ vị trí hoa tiêu lên tàu đến vị trí hoa tiêu rời tàu theo quy định.

8. Một chuyến được tính là tàu thuyền vào khu vực hàng hải 01 lượt và rời khu vực hàng hải 01 lượt.

9. Tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo bao gồm các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam được công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Đối tượng tính giá dịch vụ

1. Đối tượng tính giá dịch vụ tại cảng biển đối với hoạt động hàng hải quốc tế, bao gồm:

a) Tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh hoặc quá cảnh vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải; tàu thuyền nước ngoài vào hoạt động tại vùng biển Việt Nam không thuộc vùng nước cảng biển;

b) Tàu thuyền hoạt động vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, quá cảnh tại khu vực hàng hải;

c) Tàu thuyền vận tải hành khách từ Việt Nam đi nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam; tàu thuyền chuyên dùng hoạt động trên tuyến quốc tế vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

d) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản, neo đậu tại khu vực hàng hải;

đ) Hành khách của tàu khách từ nước ngoài đến Việt Nam (hoặc ngược lại) bằng đường biển, đường thủy nội địa vào, rời khu vực hàng hải.

2. Đối tượng tính giá dịch vụ tại cảng biển đối với hoạt động hàng hải nội địa, bao gồm:

a) Tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

b) Tàu thuyền vận tải hàng hóa, hành khách hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

c) Tàu thuyền hoạt động trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo;

d) Hàng hóa nội địa được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản, neo đậu tại khu vực hàng hải;

đ) Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí hoạt động tại các cảng dầu khí ngoài khơi, cảng chuyên dùng phục vụ dầu khí, trong khu vực trách nhiệm của cảng vụ hàng hải.

3. Tàu công vụ không thuộc đối tượng tính giá theo quy định tại Thông tư này.

4. Tàu thuyền vào, rời cảng tránh trú bão hoặc để bàn giao người bị nạn trên biển mà không xếp dỡ hàng hóa, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực; tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải và giá dịch vụ cầu, bến, phao neo.

Điều 4. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1. Căn cứ quy định pháp luật hiện hành về quản lý giá dịch vụ tại cảng biển, chất lượng dịch vụ và tình hình thị trường, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại cảng biển quyết định mức giá cụ thể không cao hơn giá tối đa đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải hoặc thuộc khung giá đối với dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo; dịch vụ bốc dỡ container; dịch vụ lai dắt tại cảng biển theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Các mức giá quy định trong Biểu giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam-Hoa tiêu VII khi tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

* Đối với tàu vận tải nội địa.

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng theo quy định hiện hành về luật thuế giá trị gia tăng.

* Đối với tàu vận tải quốc tế.

- Áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%.

- Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện áp dụng thuế suất 0%, thì sẽ thực hiện theo quy định hiện hành về thuế giá trị gia tăng.

Điều 5. Đồng tiền tính giá dịch vụ

1. Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ đối với dịch vụ hoa tiêu cung cấp cho tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

2. Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam đối với dịch vụ hoa tiêu cung cấp cho tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

3. Trường hợp chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Đơn vị tính và cách làm tròn

1. Đơn vị tính dung tích: Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ tại cảng biển. Đối với tàu thuyền không ghi GT chọn phương thức quy đổi có GT lớn nhất như sau:

a) Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải tính bằng 01 GT;

b) Sà lan: 01 tấn trọng tải toàn phần tính bằng 01 GT;

c) Tàu kéo, tàu đẩy, tàu chở khách (kể cả thủy phi cơ) và cầu nổi: 01 mã lực (HP, CV) tính bằng 0,5 GT; 01 KW tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cầu đặt trên tàu thuyền tính bằng 06 GT;

d) Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy: 01 ghế ngồi dành cho hành khách tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm tính bằng 04 GT;

đ) Trường hợp tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: tính bằng tổng dung tích của cả đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn, bao gồm: sà lan, đầu kéo hoặc đầu đẩy.

2. Đơn vị tính công suất máy: công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW tính tròn là 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW.

3. Đơn vị thời gian:

a) Đối với đơn vị thời gian là ngày: 01 ngày tính là 24 giờ; phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính bằng 1/2 ngày, trên 12 giờ tính bằng 01 ngày;

b) Đối với đơn vị thời gian là giờ: 01 giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng 1/2 giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.

4. Đơn vị khối lượng hàng hóa (kể cả bao bì) là tấn hoặc mét khối (m^3); phần lẻ dưới 0,5 tấn hoặc $0,5 m^3$ không tính, từ 0,5 tấn hoặc $0,5 m^3$ trở lên tính bằng 01 tấn hoặc $01 m^3$. Trong một vận đơn lẻ, khối lượng tối thiểu để tính giá là 01 tấn hoặc $01 m^3$. Với loại hàng hóa mỗi tấn chiếm từ $02 m^3$ trở lên thì cứ $02 m^3$ tính bằng 01 tấn.

5. Đơn vị khoảng cách tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải là hải lý (HL); phần lẻ dưới 01 HL tính bằng 01 HL.

6. Đơn vị tính giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo đối với tàu thuyền là mét (m) cầu, bến, phao neo; phần lẻ dưới 01 m tính bằng 01 m.

Điều 7. Tuyến dẫn tàu được giao cho Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam- Hoa tiêu VII.

1. Tuyến dẫn tàu Quy Nhơn.

2. Tuyến dẫn tàu Vũng Rô.

Chương II

Điều 8. Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động nội địa

1. Tính theo đơn giá: Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải cho một lượt dẫn tàu bằng tích số của đơn giá tối đa quy định tại Mục 1, 2, 3, 4, 5, 7 khoản 1 Điều này với cự ly dẫn tàu với tổng dung tích của tàu thuyền. Riêng đối với Mục 6 khoản 1 Điều này được tính bằng tích số của đơn giá tối đa quy định tại Mục 6 khoản 1 Điều này với tổng dung tích của tàu thuyền.

Bảng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

Mục	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá tối đa
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Thị Vải (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang); Bình Trị, Hòn Chông (tỉnh Kiên Giang).	Đồng/GT/HL	40,00

Mục	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá tối đa
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Cửa Lò, Bến Thủy (tỉnh Nghệ An); Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hoá); Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh); Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế); Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi); Vũng Rô (Phú Yên); Vân Phong, Ba Ngòi, Nha Trang (tỉnh Khánh Hoà); Cà Ná (tỉnh Ninh Thuận); Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải (Trà Vinh).	Đồng/GT/HL	60,00
3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Định An; qua luồng Sông Hậu	Đồng/GT/HL	30,00
4	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý.	Đồng/GT/HL	120,00
5	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên.	Đồng/GT/HL	90,00
6	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý.	Đồng/GT	60,00
7	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền trên các tuyến còn lại.	Đồng/GT/HL	25,00

2. Tính theo lượt dẫn tàu: Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải nội địa tính theo lượt dẫn tàu là 2.000.000 đồng/lượt.

3. Trường hợp giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo đơn giá quy định tại khoản 1 Điều này thấp hơn giá tối đa theo lượt dẫn tàu quy định tại khoản 2 Điều này, thì giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 9. Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động quốc tế

1. Tính theo đơn giá: Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải cho một lượt dẫn tàu bằng tích số của đơn giá tối đa quy định tại Mục 1, 2, 3, 4, 5, 7 khoản 1 và khoản 2 Điều này với cự ly dẫn tàu với tổng dung tích của tàu thuyền. Riêng đối với Mục 6 khoản 1 Điều này thì được tính bằng tích số của đơn giá tối đa quy định tại Mục 6 khoản 1 Điều này với tổng dung tích của tàu thuyền.

Bảng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

Mục	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá tối đa
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Bình Trị, Hòn Chông (tỉnh Kiên Giang); Cửa Lò (tỉnh Nghệ An); Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế); Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi); Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh); Hòn La (tỉnh Quảng Bình); Năm Căn (tỉnh Cà Mau); Vạn Giã (tỉnh Quảng Ninh); Vũng Rô (Phú Yên); Vân Phong, Ba Ngòi, Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa); Cà Ná (Ninh Thuận); Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải (Trà Vinh).	USD/GT/HL	0,0045
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Định An; qua luồng Sông Hậu.	USD/GT/HL	0,0032
3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại tuyến dẫn tàu khu vực Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang).	USD/GT/HL	0,0070
4	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý.	USD/GT/HL	0,012
5	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên.	USD/GT/HL	0,008
6	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý.	USD/GT	0,0150
7	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với một lượt dẫn tàu thuyền chở container xuất, nhập khẩu, trung chuyển vào, rời các bến cảng trên sông Cái Mép - Thị Vải có dung tích từ 50.000GT trở lên, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau:		
7.1	Phần khoảng cách đến 10 hải lý	USD/GT/HL	0,00170
7.2	Phần khoảng cách trên 10 hải lý đến 30 hải lý	USD/GT/HL	0,00110

Mục	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá tối đa
7.3	Phần khoảng cách trên 30 hải lý	USD/GT/HL	0,00075

2. Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau:

Mục	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá tối đa
1	Phần khoảng cách đến 10 hải lý	USD/GT/HL	0,00340
2	Phần khoảng cách trên 10 hải lý đến 30 hải lý	USD/GT/HL	0,00220
3	Phần khoảng cách trên 30 hải lý	USD/GT/HL	0,00150

3. Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại khoản 2 Điều này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000 GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lỏng), hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau:

a) Phần dung tích trên 80.000 GT đến 120.000 GT, áp dụng giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 50% quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Phần dung tích trên 120.000 GT đến 160.000 GT, áp dụng giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 40% quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Phần dung tích trên 160.000 GT trở lên, áp dụng giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 30% quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Tính theo lượt dẫn tàu: Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải quốc tế tính theo lượt dẫn tàu.

a) Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu quy định tại Mục 1, 2, 3, 7 khoản 1 và khoản 2 Điều này là 300 USD/lượt;

b) Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu quy định tại Mục 4, 5 khoản 1 Điều này là 200 USD/lượt;

c) Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu quy định tại Mục 6 khoản 1 Điều này là 100 USD/lượt;

d) Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá) là 40 USD/lượt;

5. Trường hợp giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo đơn giá quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này thấp hơn giá tối đa theo lượt dẫn tàu

quy định tại khoản 4 Điều này, thì giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 10. Các trường hợp giá cụ thể.

1. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc huỷ bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, đối với cảng dầu khí ngoài khơi dưới 08 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 30.000 đồng/người/giờ đối với hoạt động nội địa và 10 USD/người/giờ đối với hoạt động quốc tế. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 200.000 đồng/người và phương tiện/giờ đối với hoạt động nội địa và 20 USD/người và phương tiện/giờ đối với hoạt động quốc tế. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã huỷ bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quyết định này.

2. Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng có cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận thì giá dịch vụ hoa tiêu được tính không vượt quá giá tối đa theo lượt quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quyết định này (đối với hoạt động hàng hải nội địa) và khoản 4 Điều 4 của Quyết định này (đối với hoạt động hàng hải quốc tế).

3. Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đón trả hoa tiêu không quá 300.000 đồng/tàu/lượt đối với tàu hoạt động nội địa và 30 USD/tàu/lượt đối với tàu hoạt động quốc tế.

4. Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đã yêu cầu được cảng vụ hàng hải khu vực và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới, khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu, tiền chờ đợi là 250.000 đồng/giờ đối với hoạt động nội địa và 100 USD/giờ đối với hoạt động quốc tế, tính theo số giờ thực tế phải chờ đợi.

5. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% giá tối đa dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quyết định này hoặc áp dụng tối đa bằng 2.000.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 300 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

6. Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 50% giá tối đa dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quyết

định này hoặc áp dụng tối đa bằng 2.000.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 300 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

7. Tàu thuyền chở khách hoạt động quốc tế có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, áp dụng bằng 40% giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quyết định này hoặc áp dụng tối đa bằng 300 USD.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Biểu giá này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 09 năm 2024.

Điều 12. Hướng dẫn sử dụng dịch vụ hoa tiêu

1. Khách hàng là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải của Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam- Hoa tiêu VII trực tiếp hoặc thông qua đại lý, đại diện của mình liên hệ với:

- Phòng trực ban hoa tiêu:

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Dữ, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (056)3894788

Số fax: (056)3893077

Email: kv07trucbanhoatiieu@gmail.com

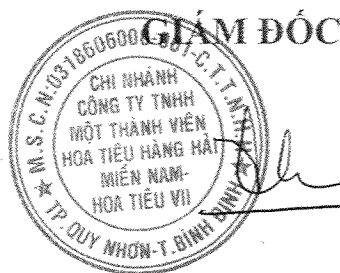
- Phòng tài chính tổng hợp:

Điện thoại: (056)3894799

Email: ketoan.hoatiieu7@gmail.com

2. Biểu mẫu yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu

Khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ hoa tiêu của Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam - Hoa tiêu VII tham khảo mẫu “giấy yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu” đính kèm.



Nguyễn Hữu Nghiêm

TÊN ĐẠI LÝ /LOGO
GIẤY YÊU CẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ HOA TIÊU
(PILOTAGE ORDER)

Kính gửi: CHI NHÁNH CÔNG TY HOA TIÊU VII

Tên tàu:	Quốc tịch:	Hô hiệu:
Cảng rời:	Loại hàng vận chuyển:	
Cảng đến:	GRT/DWT:	LOA/BEAM:
Cảng tiếp theo:		
Món nước tàu : F ..A		Chân vịt mũi:
Địa điểm: Từ		Đến:
Thời gian tàu đến trạm Hoa tiêu : (giờ ngày/tháng/năm)		
Thời gian yêu cầu Hoa tiêu lên tàu: (giờ ngày/tháng/năm)		Đề :
Hoa tiêu dẫn tàu:	Tàu lai hỗ trợ:	
Tàu xin cập mạn:		
Phí hoa tiêu thanh toán bởi đại lý(chủ tàu):		

Thông tin xuất hóa đơn thu phí hoa tiêu như sau:

- Tên Công ty (khách hàng):.....
- Địa chỉ:.....
- Mã số thuế:.....
- Địa chỉ giao nhận hóa đơn:.....
- Cam kết thời gian thanh toán tiền phí hoa tiêu:.....

Tên đại lý viên, số điện thoại: Quy Nhơn, ngàythángnăm..... ..

Ký tên/đóng dấu

*** Ghi chú:**

Order được xem như một hợp đồng có giá trị pháp lý trong việc yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu và thanh toán giữa khách hàng (đại lý/chủ tàu) và Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam – Hoa tiêu VII.

Trường hợp Order không có dấu tròn thì người ký xác nhận trên Order phải là người đã được đại lý/chủ tàu giới thiệu bằng văn bản cụ thể.

Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không theo mẫu này thì mẫu Order của khách hàng phải thể hiện đầy đủ các thông tin trên mẫu này.